

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-PT

Ngày 19-01-2024

V/v tranh chấp yêu cầu bồi thường
hiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài;

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc;

Ông Bùi Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023, về việc: “tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 436/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty B; địa chỉ: số G L, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Âu Xuân Á, chức vụ Phó giám đốc Ban pháp chế và Kiểm tra nội bộ; ông Phan D - Chuyên viên Ban pháp chế và Kiểm tra nội bộ; ông Trần Công T - Chuyên viên Ban giám định bồi thường tài sản kỹ thuật, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2022/UQ-BHBV ngày 17/5/2022), ông Á có mặt, ông D, ông T vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2; địa chỉ: lô P đường N, khu Công nghiệp N mở rộng, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm 1992; địa chỉ: số F đường số A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2022), có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn B; địa chỉ: lô A đường số A, Cụm C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn M, có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Tổng Công ty B trình bày: ngày 21/5/2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (viết tắt Công ty B) tham gia bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo đơn bảo hiểm số 1838300 tại Công ty B (Công ty B thuộc Tổng Công ty B) cho đối tượng được bảo hiểm là tòa nhà, văn phòng, trạm biến áp 630 KVA tại địa chỉ lô A đường số A, cụm C, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị bảo hiểm là 9.719.600.000 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 (viết tắt là Công ty T2) là bên thuê nhà xưởng của Công ty B và nhà xưởng này là đối tượng được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm giữa Bảo hiểm B với Công ty B.

Vào khoảng 11 giờ ngày 10/01/2019, tại nhà xưởng Công ty T2 xảy ra sự việc cháy nổ. Sau khi nhận được thông báo từ Công ty B và trên cơ sở hồ sơ vụ việc, Bảo hiểm Bảo V đã chi trả cho Công ty B 6.373.053.359 đồng theo Ủy nhiệm chi theo lô ngày 17/6/2019 và ngày 25/9/2019. Sau khi Bảo hiểm B chi trả tiền bảo hiểm cho Công ty B, ngày 19/9/2019 Công ty B chuyển quyền yêu cầu đòi bồi hoàn trong hợp đồng bảo hiểm tài sản cho Bảo hiểm Bảo V trong việc đòi bên thứ 3 bồi hoàn là Công ty T2 có lỗi dẫn đến thiệt hại cho Công ty B.

Do đó, Bảo hiểm B căn cứ khoản 1 Điều 49 của Luật Kinh doanh hiểm về trách nhiệm chuyển giao quyền yêu cầu bồi hoàn và giấy biên nhận và thế quyền của Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T2 hoàn trả cho Bảo hiểm B 6.373.053.359 đồng.

- *Bị đơn Công ty T2 trình bày:*

Ngày 28/01/2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 (viết tắt Công ty T2) ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng với Công ty B theo Hợp đồng thuê nhà xưởng và văn phòng số 01/DK, thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/3/2020, mục đích thuê để sản xuất kinh doanh mút xốp. Công ty T2 và Công ty B có thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn vào ngày 31/01/2019 nhưng chưa đến ngày chấm dứt hợp đồng thì ngày 10/01/2019 đã xảy ra sự việc cháy nổ tại Công ty T2. Theo Thông báo số 271 ngày 18/3/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 (nay là thành phố) Tân Uyên xác định nguyên nhân cháy là do sự cố ngắn mạch (chạm, chập điện) trên dây dẫn điện tạo ra tia lửa và hạt đồng nóng chảy có nhiệt độ cao ($>15000^{\circ}\text{C}$) văng ra xung quanh rơi vào các vật liệu dễ bắt cháy như mút xốp, ni lông, sau đó ngọn lửa bùng phát cháy lớn. Sau khi sự kiện cháy nổ xảy ra, Bảo hiểm B đã chi trả tiền bảo hiểm cho Công ty B căn cứ Điều 49 của Luật Kinh doanh bảo hiểm để yêu cầu Công ty T2 bồi thường số tiền này, Công ty T2 không đồng ý bởi những lý do sau:

Thứ nhất, Công ty T2 không phải là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ vì

theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, chủ sở hữu phải có đủ 03 quyền là chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tài sản là nguồn nguy hiểm cao độ. Công ty T2 chỉ có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với dây dẫn điện chiếu sáng có điện áp 220V bên trong nhà xưởng mà không có bất kỳ quyền gì đối với các đường dây, trạm điện có cấp điện áp trên 110KV và các nhà máy điện đấu nối vào lưới điện truyền tải vì tất cả các tài sản này đều thuộc Điện lực T.

Thứ hai, Công ty T2 đã tuân thủ quy định về phòng cháy, chữa cháy và sử dụng điện như: quá trình Công ty T2 thuê nhà xưởng của Công ty B, Công ty T2 có lắp đặt hệ thống điện để nhằm mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty nhưng việc lắp đặt điện là theo sự thỏa thuận giữa Công ty T2 và Công ty B khi ký kết hợp đồng. Công ty T2 luôn kiểm tra định kỳ công tác phòng cháy chữa cháy, được thể hiện tại các biên bản tự kiểm tra, nội dung các biên bản này cũng ghi nhận các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, hệ thống điện và việc sử dụng đều an toàn, việc bố trí và sắp xếp hàng hóa đều đảm bảo an toàn và chống cháy lan. Quá trình thuê nhà xưởng, Công ty T2 không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi vi phạm về phòng cháy chữa cháy, chưa bị ngưng cung cấp điện hoặc tạm ngưng cấp điện vì lý do vi phạm quy định về sử dụng điện.

Thứ ba, theo hợp đồng thuê nhà xưởng giữa Công ty T2 và Công ty B, Công ty B cam kết sẽ hoàn thành việc lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy nhà xưởng. Như vậy, ngoài trách nhiệm Công ty T2 phải tuân thủ quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình sử dụng tài sản thuê, thì trách nhiệm này cũng thuộc về Công ty B vì Công ty B là chủ sử dụng đối với tài sản cho thuê nên phải đảm bảo công tác an toàn phòng cháy, chữa cháy trong suốt thời gian cho thuê. Nghĩa vụ của Công ty B được thể hiện cụ thể trong các văn bản thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền cấp.

Thứ 4, theo Kết luận giám định số 02/KLGD-PC09 ngày 22/01/2019 của Phòng K - Công an tỉnh B chỉ kết luận không có sự việc phạm tội xảy ra, còn về nguyên nhân cháy phải do cơ quan có chuyên môn về phòng cháy, chữa cháy kết luận. Do đó, kết luận giám định không đủ cơ sở xác định khu vực cháy ban đầu, hướng cháy lan và nguyên nhân cháy, Bảo hiểm B chỉ căn cứ vào kết luận này để xác định trách nhiệm dân sự của Công ty T2 là chưa đủ cơ sở pháp lý.

Thứ 5, việc cháy nổ là do nguyên nhân khách quan, không phải do Công ty T2 gây ra.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty B có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty B đối với bị đơn Công ty TNHH T2 về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Buộc Công ty TNHH T2 phải bồi thường cho Tổng Công ty B 6.373.053.359 đồng (sáu tỷ ba trăm bảy mươi ba triệu không trăm năm mươi ba nghìn ba trăm năm chín đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 10 năm 2023, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của Công ty T2 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty Đ vào tham gia tố tụng, vì công ty điện lực là đơn vị bán điện phải có trách nhiệm trong việc ổn định nguồn điện cho khách hàng, việc cháy nổ có thể do nguồn điện tăng giảm; Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp không đúng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa khách quan.

[3] Tòa án cấp phúc thẩm, nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty Đ tham gia tố tụng là không vi phạm pháp luật, vì Công ty Đ là đơn vị quản lý, vận hành, sửa chữa nguồn điện, đường dây và trạm biến áp thuộc hệ thống truyền tải điện của Nhà nước, không có nghĩa vụ ổn định nguồn điện đầu nối từ hệ thống truyền tải điện thuộc Nhà nước vào nơi tiêu thụ, mà trách nhiệm ổn định nguồn điện này thuộc bên mua điện. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Công ty B có tài sản là nhà xưởng, văn phòng, trạm biến áp 630 KVA và công trình phụ trợ khác tại địa chỉ lô A đường số A, cụm C, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Ngày 28/01/2015, Công ty B ký hợp đồng cho Công ty T2 thuê tài sản là quyền sử dụng đất, nhà xưởng, văn phòng, thời hạn thuê 05 năm kể từ ngày 01/4/2015.

[5] Ngày 21/5/2018, Công ty B tham gia bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo Đơn bảo hiểm số 1838300 tại Công ty B (gọi tắt là Công ty B) cho đối tượng được bảo hiểm là nhà xưởng, văn phòng, trạm biến áp 630 KVA tại địa chỉ lô A đường số A, cụm C, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương là tài sản đang cho Công ty T2 thuê với tổng giá trị bảo hiểm là 9.719.600.000 đồng (bút lục 104).

[6] Ngày 10/01/2019, tại nhà xưởng do Công ty T2 thuê của Công ty B xảy ra sự kiện cháy nổ, Công ty B đã chi trả 90% giá trị thiệt hại cho Công ty B tương đương số tiền 6.373.053.359 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Ngày 19/9/2019, Công ty B ký Thông báo số 09/DK chuyển giao quyền yêu cầu đòi bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản cho Tổng Công ty B để yêu cầu Công ty T2 có lỗi dẫn đến thiệt hại thanh toán số tiền Bảo hiểm B đã chi trả là 6.373.053.359 đồng. Công ty B cho rằng Công ty T2 là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ nên có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 601 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng sự kiện cháy nổ tại nhà xưởng bị đơn thuê là do nguyên nhân khách quan, bị đơn không phải là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ nên không có trách nhiệm bồi thường.

[8] Xét kháng cáo, ngày 28/01/2015, Công ty B và Công ty T2 ký kết hợp đồng cho thuê nhà xưởng, văn phòng có nội dung Công ty B cho Công ty T2 thuê tài sản gồm quyền sử dụng đất diện tích 9.565m², gắn liền nhà xưởng, văn phòng, trạm điện 650KVA, tại lô A 18-A cụm C, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[9] Năm 2021, sau khi xảy ra cháy nổ tại Công ty B cho Công ty T2 thuê, Công ty T2 khởi kiện Công ty B về việc tranh chấp hợp đồng thuê nhà xưởng. Công ty B có đơn phản tố yêu cầu Công ty T2 thanh toán tiền thuê nhà xưởng, tiền mua bảo hiểm nhà xưởng, tiền thu dọn vệ sinh và tiền bồi thường thiệt hại do sự kiện cháy nổ xảy ra tại nhà xưởng do Công ty T2 thuê tương đương 10% thiệt hại (không được bảo hiểm chi trả) với tổng số tiền 1.276.381.133 đồng. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2022/KDTM-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 14/2023/KDTM-PT ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương cùng quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty B, buộc Công ty T2 bồi thường thiệt hại về nhà xưởng cho Công ty B 708.117.040 đồng (là thiệt hại 10% không thuộc bảo hiểm chi trả). Tại các bản án trên xác định số tiền thiệt hại do sự việc cháy nổ gây ra, Công ty T2 có trách nhiệm bồi thường

cho Công ty B (bao gồm cả 10% bảo hiểm không chi trả và 90% do bảo hiểm đã chi trả) là đúng quy định của pháp luật.

[10] Công ty B ký hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Đ1 theo Hợp đồng mua bán điện số 14/001147 để mua điện phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại trụ 15-3/I NR đường D8 Cụm C, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Theo thỏa thuận tại mục 5.1 Điều 5 của hợp đồng cho thuê nhà xưởng, văn phòng giữa Công ty T2 và Công ty B thì bên cho thuê là Công ty B có trách nhiệm hoàn thiện việc lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện Công ty B đã thực hiện đầy đủ điều kiện về phòng cháy, chữa cháy.

[11] Tại Kết luận giám định số 02/KLGD-PC09 ngày 22/01/2019 của Phòng K - Công an tỉnh B kết luận: *“nguyên nhân cháy là do sự cố ngắn mạch (chạm, chập điện) trên dây dẫn tạo ra tia lửa và hạt đồng nóng chảy có nhiệt độ cao ($>15000^{\circ}\text{C}$) văng ra xung quanh rơi vào các vật liệu dễ cháy như mút xốp, nilong...sau đó ngọn lửa bùng phát thành ngọn cháy lớn”*. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C1 đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 90 ngày 18/3/2019. Tại Thông báo số 271 ngày 18/3/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C1 và tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 14/2023/KDTM-PT ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xác định định hệ thống đường dây điện trong nhà xưởng do Công ty T2 thuê của Công ty B là do Công ty T2 tự lắp đặt để phục vụ hoạt động sản xuất.

[12] Tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án tranh chấp hợp đồng cho thuê nhà xưởng giữa Công ty T2 và Công ty B xét xử phúc thẩm tại Bản án kinh doanh thương mại số 14/2023/KDTM-PT ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, có Công văn số 130/CATU-PCCC ngày 24/3/2022 của Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và C nạn cứu hộ - Công an thị xã C1, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin (bút lục số 305), như sau trước thời điểm xảy ra vụ cháy ngày 10/01/2019 tại kho của Công ty T2, căn cứ biên bản kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy số 05 của Công an tỉnh B lập ngày 31/7/2018 thì hệ thống điện hoạt động bình thường, không có dấu hiệu chạm chập, dây điện được đi vào ống cách điện, hàng hóa gọn gàng đảm bảo khoảng cách an toàn nhưng không xác định rõ nguyên nhân cháy. Như vậy, thời điểm kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với Công ty T2 là ngày 31/7/2018, cách ngày xảy ra sự kiện cháy là hơn 05 tháng. Như đã nhận định sự cố cháy nổ xuất phát từ hệ thống dây điện do Công ty T2 lắp đặt để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng tại văn bản trả lời của cơ quan quản lý về phòng cháy, chữa cháy đã xác định hệ thống điện của Công ty T2 đảm bảo tại thời điểm kiểm tra ngày 31/8/2018, không phải là gần thời điểm xảy ra sự kiện cháy. Như vậy, không có căn cứ xác định thời điểm xảy ra sự kiện cháy nổ, Công ty T2 đã đảm bảo an toàn về hệ thống điện. Tại mục [4.2] của Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 14/2023/KDTM-PT ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã nhận định: *“Các bên đều thừa nhận dây điện phục vụ sản xuất là Công ty TNHH T2 lắp đặt, chập điện tại dây dẫn điện do Công ty TNHH T2 lắp đặt tại kho chứa mút xốp, vật liệu dễ cháy của Công ty TNHH T2”*. Như vậy, có cơ sở

khẳng định, Công ty T2 tự lắp đặt hệ thống dây điện, không đảm bảo an toàn nên xảy ra sự kiện cháy nổ tại nhà xưởng do Công ty TNHH T2 thuê, là do lỗi của Công ty T2.

[13] Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên có căn cứ xác định, Công ty T2 thuê nhà xưởng của Công ty B, sau khi thuê Công ty T2 đã tự lắp đặt hệ thống dây dẫn điện để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Sự cố cháy xảy ra ngày 10/01/2019 là do lỗi của Công ty T2 nên Công ty T2 phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Công ty B. Tuy nhiên, Công ty B mua bảo hiểm tài sản gồm nhà xưởng, văn phòng, trạm biến áp tại Công ty B; Công ty B đã chi trả thiệt hại cho Công ty B số tiền 6.373.053.395 đồng. Công ty B chuyển quyền yêu cầu truy đòi bồi thường cho Công ty B đối với Công ty T2. Do đó, Công ty B khởi kiện yêu cầu Công ty T2 bồi thường thiệt hại tài sản đã được Công ty B chi trả cho Công ty B là có căn cứ chấp nhận.

[14] Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ và đã đánh giá toàn diện tài liệu, chứng cứ khách quan khi xét xử phù hợp quy định của pháp luật.

[15] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty T2.

[16] Án phí phúc thẩm: kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[17] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 48, 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0008066 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài